

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20-6-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Duy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Hữu Sơn

Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiền – Thư ký Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1986.

“Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt”

Trú tại: Khu H, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1985

“Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”

Trú tại: Thôn Y, Xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-4-2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K (nay là phường H, thị xã K), tỉnh Hải Dương vào ngày 20-4-2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Phạm Văn Đ phát sinh tình cảm với người khác. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không

thành. Chị và anh Phạm Văn Đ đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Phạm Văn Đ không còn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện TY giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn Đ có 01 con chung là Phạm Thị V, sinh ngày 05-3-2010. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vân cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác, không yêu cầu anh Phạm Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26-5-2023, bị đơn anh Phạm Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị D trên cơ sở tự nguyện của đôi bên. Thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị Nguyễn Thị D trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Sau đó vợ chồng sống ly thân với nhau từ năm 2013. Nay chị Nguyễn Thị D nộp đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh, anh đồng ý.

Về con chung: Anh với chị Nguyễn Thị D có 01 con chung là Phạm Thị V, sinh ngày 05-3-2010. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cháu Vân cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, anh cấp dưỡng theo khả năng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh đề nghị tự thỏa thuận

Tại đơn nguyện vọng, cháu Phạm Thị V có nguyện vọng được ở với mẹ là Nguyễn Thị D.

Ngay khi nộp đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị D đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt do đó Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện TY nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng :

Anh Phạm Văn Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Y, Xã H, huyện TY, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn Đ có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K (nay là phường H, thị xã K), tỉnh Hải Dương vào ngày 20-4-2009 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như thời điểm vợ chồng sống ly thân chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn Đ trình bày là khác nhau nhưng đều cho thấy khoảng thời gian sống ly thân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn Đ là rất dài và đến nay chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn Đ đều xác định không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nhất trí ly hôn với nhau. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Phạm Văn Đ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn Đ có 01 con chung là cháu Phạm Thị V, sinh ngày 05-3-2010. Ly hôn, chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn Đ đều đề nghị giao cháu Vân cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Hiện nay cháu Vân đang ở với chị Nguyễn Thị D và có nguyện vọng được ở với chị Nguyễn Thị D. Do đó, cần giao cháu Vân cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phạm Văn Đ đề nghị tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56,

Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Phạm Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị V, sinh ngày 05-3-2010 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, anh Phạm Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng tại Biên lai số AA/2022/0000367 ngày 11-4-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TY. Xác nhận chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- UBND phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Duy